



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001010797	Lê Anh	Khánh	03/09/2004	TC10A	01	346	3,2	01	Khánh	L'
2	000002	1001010878	Lê Quang	Toàn	17/03/2004	TC10A	01	347	3,3	01	Toàn	chấn
3	000003	1001010850	Nguyễn Hoàng	Quân	27/08/2004	TC10B	01	348	5,7	01	Quân	L'
4	000004	1101010760	Nguyễn Ngọc	An	05/11/2005	TC11A	01	349	2,5	01	An	chấn
5	000005	1101010762	Nông Quốc	An	14/02/2005	TC11A	01	350	3,2	01	Quốc An	L'
6	000006	1101010765	Lương Ngọc	Anh	28/05/2005	TC11A	01	351	3,2	01	Anh	chấn
7	000007	1101010774	Phạm Hoàng Phương	Anh	28/11/2004	TC11A	01	352	5,6	01	Phạm	L'
8	000008	1101010778	Dương Ngọc	Ánh	02/09/2005	TC11A	01	353	3,2	01	Ánh	chấn (32)
9	000009	1101011263	Nguyễn Việt	Cường	13/09/2005	TC11A	01	354	6,5	01	Cường	L'
10	000010	1101011391	Trần Hải	Đặng	13/03/2005	TC11A	01	355	3,8	01	Đặng	chấn
11	000011	1101010788	Nguyễn Tiến	Đạt	29/05/2005	TC11A	01	356	2,5	01	Đạt	L'
12	000012	1101011265	Nguyễn Thị Huyền	Diệu	08/05/2005	TC11A	01	357	5,0	01	Diệu	chấn
13	000013	1101011733	Khuong Minh	Đức	11/09/2004	TC11A	01	358	7,0	01	Đức	L'
14	000014	1101010795	Nguyễn Việt	Dũng	16/01/2005	TC11A	01	359	2,5	01	Dũng	chấn
15	000015	1101010520	Trần Minh	Dũng	26/07/2005	TC11A	01	360	3,5	01	Trần	L'
16	000016	1101010798	Nguyễn Thảo	Dương	01/01/2005	TC11A	01	381	2,3	01	Thảo	chấn
17	000017	1101010799	Phạm Bình	Dương	03/07/2005	TC11A	01	361	5,0	01	Phạm	L'
18	000018	1101010800	Tạ Minh	Dương	03/08/2005	TC11A	01	362	3,8	01	Tạ	chấn
19	000019	1101010801	Vũ Thùy	Dương	26/08/2005	TC11A	01	363	6,5	01	Vũ	L'
20	000020	1101010802	Đặng Khánh	Duy	18/01/2005	TC11A	01	364	4,5	01	Đặng	chấn
21	000021	1101010803	Nguyễn Phương	Duy	05/12/2005	TC11A	01	365	7,2	01	Nguyễn	L'
22	000022	1101010808	Lê Ngân	Hà	22/11/2005	TC11A	01	366	7,1	01	Lê	chấn
23	000023	1101010811	Đỗ Thị Thúy	Hằng	12/01/2005	TC11A	01	367	5,5	01	Hằng	L'
24	000024	1101010812	Nguyễn Thu	Hằng	10/10/2005	TC11A	01	368	1,8	01	Nguyễn	chấn
25	000025	1101010816	Phạm Thị	Hiền	07/01/2005	TC11A	01	369	4,3	01	Phạm	L'
26	000026	1101010817	Dư Quang	Hiệp	29/10/2005	TC11A	01	370	2,7	01	Dư	chấn
27	000027	1101011276	Đỗ Thanh	Hoa	18/12/2005	TC11A	01	371	5,7	01	Hoa	L'

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000028	1101010821	Bùi Việt	Hoàng	29/11/2005	TC11A	01					Vắng
29	000029	1101010822	Nguyễn Huy	Hoàng	30/10/2005	TC11A	01	312	7,7	01	Hoàng	le'
30	000030	1101010827	Nguyễn Thị Hoàng	Hương	06/01/2005	TC11A	01	318	5,7	01	Hương	chấn
31	000031	1101010828	Phùng Thị Thu	Hương	13/12/2005	TC11A	01	314	7,7	01	Hương	le'
32	000032	1101010830	Nguyễn Quang	Huy	14/08/2005	TC11A	01	315	6,4	01	Huy	chấn
33	000033	1101010831	Bùi Khánh	Huyền	21/10/2005	TC11A	01	316	5,2	01	Huyền	le'
34	000034	1101010834	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	29/08/2005	TC11A	01	317	5,5	01	Huyền	chấn
35	000035	1101010835	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	14/01/2005	TC11A	01	318	2,3	01	Huyền	le'
36	000036	1101010837	Phạm Trung	Khải	10/07/2005	TC11A	01	319	2,8	01	Khải	chấn
37	000037	1101011445	Ngô Hoàng	Lan	12/06/2005	TC11A	01	380	7,0	01	Lan	le'

Tổng số sinh viên dự thi: 36

Tổng số tờ giấy thi: 36

Tổng số biên bản: 0

Ngày 5... tháng 1... Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Phạm Thị Thu Hoa Nguyễn T. Cẩm Nhung



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000038	1101010846	Đỗ Thị Hoàng	Linh	29/04/2005	TC11A	01	138	3,6	01	Linh	chẵn
2	000039	1101011382	Nguyễn Khánh	Linh	17/02/2005	TC11A	01	139	1,5	01	Linh	Lẻ
3	000040	1101011332	Toàn Hoàng Bảo	Linh	27/08/2005	TC11A	01	140	4,0	01	Linh	Chẵn
4	000041	1101010853	Lê Tuấn	Long	13/11/2005	TC11A	01	141	1,8	01	Long	Lẻ
5	000042	1101010174	Đỗ Phương	Ly	03/01/2005	TC11A	01	142	3,5	01	Ly	Chẵn
6	000043	1101011288	Trần Khánh	Ly	15/11/2005	TC11A	01	143	1,5	01	Ly	Lẻ
7	000044	1101010180	Chu Thị Hoàng	Mai	01/11/2005	TC11A	01	144	muôn	01	Mai	chẵn
8	000045	1101030632	Chu Hải	Nam	31/05/2005	TC11A	01	145	không	01	Nam	Lẻ
9	000046	1101010864	Đỗ Hằng	Nga	03/11/2005	TC11A	01	146	8,0	01	Nga	chẵn
10	000047	1101011293	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	17/07/2005	TC11A	01	147	1,5	01	Ngân	Lẻ
11	000048	1101010876	Nguyễn Yến	Nhi	23/03/2005	TC11A	01	148	8,1	01	Nhi	chẵn
12	000049	1101010879	Hà Thị Hồng	Nhung	05/05/2005	TC11A	01	149	3,7	01	Nhung	Lẻ
13	000050	1101010237	Nguyễn Nam	Phương	26/01/2005	TC11A	01	150	4,2	01	Phương	Chẵn
14	000051	1101010887	Nguyễn Xuân	Quang	31/01/2005	TC11A	01	151	5,5	01	Quang	Lẻ
15	000052	1101011304	Đặng Thị Phương	Thảo	17/08/2005	TC11A	01	152	6,0	01	Thảo	Chẵn
16	000053	1101010899	Nguyễn Thị Anh	Thơ	01/08/2005	TC11A	01	153	2,2	01	Thơ	Lẻ
17	000054	1101010900	Đỗ Minh	Thu	13/09/2005	TC11A	01	154	8,6	01	Thu	Chẵn
18	000055	1101011305	Nguyễn Thanh	Thu	27/01/2005	TC11A	01	155	4,3	01	Thu	Lẻ
19	000056	1101010280	Đỗ Hoài	Thương	29/03/2005	TC11A	01	156	9,4	01	Thương	chẵn
20	000057	1101011310	Đinh Quốc	Toàn	25/06/1997	TC11A	01					HP,ĐK
21	000058	1101010903	Lương Quỳnh	Trang	09/11/2005	TC11A	01	157	6,7	01	Trang	chẵn
22	000059	1101011314	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	20/01/2005	TC11A	01	158	3,5	01	Trang	Lẻ
23	000060	1101021056	Nguyễn Thị Thu	Trang	21/01/2005	TC11A	01	159	4,3	01	Trang	chẵn
24	000061	1101011315	Phạm Thị	Trang	29/01/2004	TC11A	01	160	3,1	01	Trang	Lẻ
25	000062	1101010904	Phan Thị Huyền	Trang	10/10/2005	TC11A	01	161	5,0	01	Trang	chẵn
26	000063	1101011250	Hoàng Quốc	Tuấn	06/11/2005	TC11A	01	162	không	01	Tuấn	Lẻ
27	000064	1101011377	Đỗ Thế	Tùng	09/10/2005	TC11A	01	163	3,2	01	Tùng	chẵn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000065	1101010911	Đỗ Tường	Vy	07/08/2005	TC11A	01	164	6,0	01	Vy	le'
29	000066	1101010912	Nguyễn Kim	Xuân	21/03/2005	TC11A	01					Vàng
30	000067	1101010329	Trần Thị Chiêu	Xuân	07/05/2005	TC11A	01	165	4,2	01	Kuê	le'
31	000068	1101011370	Đinh Thị Hải	Yến	09/03/2004	TC11A	01	166	9,4	01	Cyên	chăn
32	000069	1001020201	Vũ Quang	Minh	21/01/2004	KD10H	02	167	1,8	01	Minh	le'
33	000070	1101020003	Đặng Phương	Anh	31/01/2005	KD11A	02	168	1,5	01	Anh	chăn
34	000071	1101020913	Đỗ Vũ Quỳnh	Anh	23/11/2005	KD11A	02	169	5,7	01	Anh	le'
35	000072	1001020038	Nguyễn Hữu	Anh	28/02/2004	KD11A	02					ĐK
36	000073	1101020018	Nguyễn Nhật	Anh	26/08/2005	KD11A	02	170	4,2	01	Anh	le'

Tổng số sinh viên dự thi: 33....

Tổng số tờ giấy thi: 33....

Tổng số biên bản: 01....

Ngày 5 tháng 1 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm Thị Hoàng

Phan Thị Uyên



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2

Đề thi

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000074	1101020023	Nguyễn Thị Lan	Anh	11/01/2005	KD11A	02	171	5,2	1	Lan	Chấn
2	000075	1101020044	Phạm Thanh	Bình	19/01/2005	KD11A	02	172	6,2	1	Bình	Đ?
3	000076	1101020050	Đỗ Quyết	Chiến	15/06/2005	KD11A	02	173	4,1	1	Chiến	Chấn
4	000077	1101020934	Phạm Thị Tuyết	Chinh	02/09/2005	KD11A	02	174	6,2	1	Chinh	L?
5	000078	1101020064	Cầm Minh	Đức	13/12/2005	KD11A	02	175	2,0	1	Đức	Chấn
6	000079	1101020069	Nguyễn Thị Thùy	Dương	21/01/2003	KD11A	02	176	4,8	1	Dương	L?
7	000080	1101020944	Lê Thị	Duyên	05/04/2005	KD11A	02	177	2,0	1	Duyên	Chấn
8	000081	1101020081	Cao Thị Thu	Hà	08/02/2005	KD11A	02	178	6,2	1	Hà	L?
9	000082	1101020393	Lê Thị Thu	Hà	21/11/2005	KD11A	02	179	9,0	1	Hà	Chấn
10	000083	1101020086	Tô Thu	Hà	18/03/2005	KD11A	02	180	4,8	1	Hà	L?
11	000084	1101020953	Mai Thị Thanh	Hằng	06/02/2005	KD11A	02	181	5,5	1	Thanh	Chấn
12	000085	1101020095	Phan Thị	Hiền	05/10/2005	KD11A	02	182	5,2	1	Hiền	L?
13	000086	1101020097	Nguyễn Thị	Hiền	08/11/2005	KD11A	02	183	2,0	1	Hiền	Chấn
14	000087	1101020963	Vũ Thanh	Hoa	21/11/2005	KD11A	02	184	4,5	1	Hoa	L?
15	000088	1101021358	Hoàng Phi	Hùng	17/07/2003	KD11A	02	185	4,8	1	Hùng	Chấn
16	000089	1101020969	Nguyễn Lan	Hương	19/04/2005	KD11A	02	186	3,3	1	Hương	L?
17	000090	1001020980	Nguyễn Thị Lan	Hương	30/12/2004	KD11A	02	187	2,3	1	Hương	Chấn
18	000091	1101020115	Phùng Thị	Hường	07/05/2005	KD11A	02	188	6,2	1	Hường	L?
19	000092	1101020972	Đào Thị Thanh	Huyền	16/09/2005	KD11A	02	189	6,5	1	Huyền	Chấn
20	000093	0810211730	Nguyễn Văn	Khải	18/10/2002	KD11A	02	190	8,2	1	Khải	L?
21	000094	1101020587	Nguyễn Thị Quỳnh	Liên	12/09/2005	KD11A	02	191	6,5	1	Liên	Chấn
22	000095	1101020153	Ngô Phương	Linh	23/01/2005	KD11A	02	192	5,8	1	Phu	L?
23	000096	1101020986	Nguyễn Thị Khánh	Linh	23/04/2005	KD11A	02	193	4,0	1	Linh	Chấn
24	000097	1101020158	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	26/01/2005	KD11A	02	194	5,8	1	Linh	L?
25	000098	1101021381	Phạm Thùy	Linh	03/10/2005	KD11A	02	195	6,0	1	Linh	Chấn
26	000099	1101020170	Nguyễn Minh	Loan	25/07/2005	KD11A	02	196	8,5	1	Loan	L?
27	000100	1101020621	Đỗ Thị Tuyết	Mai	26/11/2005	KD11A	02	197	4,3	1	Mai	Chấn

gh2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000101	1101020997	Trần Nguyễn Thảo	My	28/08/2005	KD11A	02					ĐK
29	000102	1101021006	Phạm Thị	Ngân	15/08/2003	KD11A	02	198	5,4	1	Ngân	Chấn.
30	000103	1101020206	Nguyễn Bích	Ngọc	03/10/2005	KD11A	02	199	7,3	1	Ngọc	le'
31	000104	1101021338	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	13/12/2005	KD11A	02	200	3,5	1	Ngọc	Chấn
32	000105	1001020243	Đỗ Quốc	Oai	01/01/2004	KD11A	02	201	4,2	1	Oai	le'
33	000106	1101020244	Thái Minh	Quân	09/02/2005	KD11A	02	202	2,3	1	Quân	chấn
34	000107	1101021341	Lê Thị Như	Quỳnh	17/04/2005	KD11A	02	203	3,2	1	Quỳnh	le'
35	000108	1101021031	Nguyễn Minh	Tâm	24/06/2005	KD11A	02	204	1,5	1	Tâm	chấn
36	000109	1101020266	Nguyễn Phương	Thảo	11/02/2005	KD11A	02	205	4,2	1	Thảo	le'

Tổng số sinh viên dự thi: 35.....

Tổng số tờ giấy thi: 35.....

Tổng số biên bản:


Ngày 05 tháng 01 Năm 2026 

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



 Nguyễn Thị Thanh Hà Vũ Thị Liên



311-345

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000110	1101020273	Đỗ Minh	Thư	14/03/2005	KD11A	02	311	7,0	01	Thư	chấn
2	000111	1101020277	Phạm Thị	Thư	25/02/2005	KD11A	02	312	6,7	01	Thư	lẻ
3	000112	1101020284	Hoàng Thị	Thúy	03/11/2005	KD11A	02	313	9,3	01	Thúy	chấn
4	000113	1101021050	Đào Huyền	Trang	03/06/2005	KD11A	02	314	6,2	01	Trang	lẻ
5	000114	1101020299	Nguyễn Mai	Trang	26/03/2005	KD11A	02	315	6,7	01	Trang	chấn
6	000115	1101020303	Nguyễn Thị Hà	Trang	28/10/2005	KD11A	02	316	9,0	01	Nguyễn Thị Hà	lẻ
7	000116	1101021055	Nguyễn Thị Huyền	Trang	14/06/2005	KD11A	02	317	6,7	01	Trang	chấn
8	000117	1101021059	Phương Thùy	Trang	30/07/2005	KD11A	02	318	6,5	01	Trang	lẻ
9	000118	1101021063	Nguyễn Duy	Tuân	03/05/2005	KD11A	02	319	7,0	01	Tuân	chấn
10	000119	1101020318	Cao Thị Thanh	Tuyền	12/06/2005	KD11A	02	320	6,3	01	Tuyền	lẻ
11	000120	1101020322	Nguyễn Thái	Vân	07/12/2005	KD11A	02	321	7,3	01	Thái	chấn
12	000121	1101021070	Ngô Hải	Yến	04/01/2005	KD11A	02	322	6,3	01	Yến	lẻ
13	000122	1001020101	Nguyễn Trà	Giang	26/02/2004	KD11E	02	323	6,3	01	Giang	chấn
14	000123	1101020002	Bùi Quế	Anh	14/08/2005	KD11B	03	324	6,3	01	Anh	lẻ
15	000124	1101021260	Dương Phương	Anh	10/12/2005	KD11B	03	325	8,5	01	Anh	chấn
16	000125	1101021343	Nguyễn Quỳnh	Anh	13/09/2005	KD11B	03	326	7,3	01	Anh	lẻ
17	000126	1001020936	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/12/2004	KD11B	03	327	6,5	01	Anh	chấn
18	000127	1101020027	Phạm Lan	Anh	16/04/2005	KD11B	03	328	7,0	01	Anh	lẻ
19	000128	1001020053	Tạ Tuấn	Anh	28/08/2004	KD11B	03	329	8,5	01	Anh	chấn
20	000129	1001020059	Nguyễn Ngọc	Ánh	29/04/2004	KD11B	03					HP,ĐK
21	000130	1001020069	Phạm Ngọc	Bích	11/08/2004	KD11B	03	330	8,5	01	Bích	chấn
22	000131	1101020058	Nguyễn Thị	Diễm	03/03/2005	KD11B	03	331	6,3	01	Diễm	lẻ
23	000132	1101020065	Nguyễn Hữu	Đức	29/06/2005	KD11B	03	332	8,8	01	Đức	chấn
24	000133	1101020070	Ninh Thị Thùy	Dương	25/05/2005	KD11B	03	333	6,7	01	Dương	lẻ
25	000134	1101020071	Phạm Thị Thùy	Dương	05/12/2005	KD11B	03	334	9,2	01	Dương	chấn
26	000135	1101020073	Bùi Vũ Thùy	Giang	19/08/2005	KD11B	03	335	6,7	01	Giang	lẻ
27	000136	1101020535	Trần Thị Hương	Giang	02/01/2005	KD11B	03	336	9,2	01	Giang	chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000137	1101020080	Vũ Thị	Giang	23/05/2005	KD11B	03	337	8,3	1	Giang	lẻ
29	000138	1101020087	Trần Thu	Hà	14/05/2005	KD11B	03	338	8,2	01	Trần	chẵn
30	000139	1101020100	Nguyễn Thị	Hoa	22/09/2005	KD11B	03	339	8,0	01	Hoa	lẻ
31	000140	1101020562	Phùng Tuấn	Hùng	01/06/2005	KD11B	03	340	6,2	01	Hùng	chẵn
32	000141	1101020968	Đỗ Thị Lan	Hương	12/03/2005	KD11B	03	341	8,7	01	Hương	lẻ
33	000142	1101020116	Đỗ Thanh	Huyền	10/10/2005	KD11B	03	342	6,5	01	Thanh	chẵn
34	000143	1101021281	Nguyễn Thị Minh	Huyền	21/05/2005	KD11B	03	343	8,3	01	Huyền	lẻ
35	000144	1101020132	Đỗ Ngọc	Lan	03/08/2005	KD11B	03	344	8,5	01	Lan	chẵn
36	000145	1101020980	Trần Thị Phương	Liên	23/10/2005	KD11B	03	345	8,0	01	Liên	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 35.....

Tổng số tờ giấy thi: 35.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 05. tháng 01. Năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Cao Thị Hằng

Đinh Thị Tường



278-310

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000146	1101020149	Lương Thị Ngọc	Linh	22/08/2005	KD11B	03	278	6,2	01	linh	Chấn
2	000147	1101020984	Nguyễn Khánh	Linh	20/03/2005	KD11B	03	279	8,2	01	linh	lẻ
3	000148	1101020160	Nguyễn Thùy	Linh	17/12/2005	KD11B	03	280	6,5	01	Linh	Chấn
4	000149	1101020171	Nguyễn Thị Phương	Loan	03/07/2005	KD11B	03	281	9,2	01	phuong	lẻ
5	000150	1101021337	Phùng Thị Hải	Ly	24/03/2005	KD11B	03	282	6,8	01	ly	Chấn
6	000151	1101021336	Bùi Thanh	Mai	16/02/2005	KD11B	03	283	6,2	01	Mai	lẻ
7	000152	1101021349	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	09/02/2005	KD11B	03	284	7,2	01	Mai	Chấn
8	000153	1101020185	Nguyễn Tuyết	Mai	10/12/2005	KD11B	03	285	8,0	01	Mai	lẻ
9	000154	1101021000	Phạm Phương	Nam	08/11/2005	KD11B	03	286	4,4	01	Nam	Chấn
10	000155	1101020202	Nguyễn Thị Hồng	Ngát	26/06/2005	KD11B	03	287	6,0	01	Ngát	lẻ
11	000156	1101020413	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	19/03/2005	KD11B	03	288	4,8	01	Ngọc	Chấn
12	000157	1001021556	Chu Yến	Nhi	04/08/2004	KD11B	03	289	2,5	01	Nhi	lẻ
13	000158	1101020878	Đỗ Trang	Nhung	10/06/2005	KD11B	03	290	7,8	01	Nhung	Chấn
14	000159	1101020226	Nguyễn Cẩm	Nhung	02/11/2005	KD11B	03	291	8,0	01	Nhung	lẻ
15	000160	1101020667	Lê Thanh	Phúc	03/05/2005	KD11B	03	292	4,2	01	Phúc	Chấn
16	000161	1101020232	Bùi Thu	Phuong	12/06/2005	KD11B	03	293	7,0	01	Phuong	lẻ
17	000162	1101020241	Trần Thị Hoài	Phuong	28/07/2005	KD11B	03	294	6,8	01	Phu	Chấn
18	000163	1101020251	Nguyễn Như	Quỳnh	02/05/2005	KD11B	03	295	5,3	01	Quynh	lẻ
19	000164	1101020256	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	30/09/2005	KD11B	03					HP, DK
20	000165	1101021033	Hoàng Thị Phương	Thảo	29/05/2005	KD11B	03	296	4,2	01	Thảo	lẻ
21	000166	1101021396	Nguyễn Thị	Thảo	03/02/2005	KD11B	03	297	3,0	01	Thảo	Chấn
22	000167	1101020271	Vũ Thị Ngọc	Thu	19/10/2005	KD11B	03	298	4,3	01	Thu	lẻ
23	000168	1101020278	Phạm Thị Minh	Thu	24/04/2005	KD11B	03					DK
24	000169	1101020285	Lê Thị Phương	Thùy	14/03/2005	KD11B	03	299	5,6	01	Thuy	lẻ
25	000170	1101020290	Lê Thị Thuý	Tinh	23/10/2005	KD11B	03	300	6,5	1	Tinh	Chấn
26	000171	1101020300	Nguyễn Quỳnh	Trang	10/03/2005	KD11B	03	301	8,3	1	Trang	lẻ
27	000172	1101020305	Nguyễn Thị Thu	Trang	02/07/2005	KD11B	03	302	5,9	1	Trang	Chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000173	1101020309	Trần Huyền	Trang	15/08/2005	KD11B	03	303	7,2	01	Trang	lẻ
29	000174	1101020315	Nguyễn Việt	Tuấn	20/01/2005	KD11B	03	304	6,2	01	Tuấn	chẵn
30	000175	1101021066	Phạm Ngọc	Vi	04/10/2004	KD11B	03	305	8,2	01	Vi	lẻ
31	000176	1101020748	Nguyễn Quang	Vinh	13/03/2004	KD11B	03	306	5,8	01	Vinh	chẵn
32	000177	1101020331	Bùi Thị	Yến	11/01/2005	KD11B	03	307	6,7	01	Yến	lẻ
33	000178	1001020145	Cao Đức	Huy	28/08/2004	KD11C	03					HP,ĐK
34	000179	1001020926	Phạm Thị Thúy	An	11/11/2004	KD11C	04	308	0,5	01	An	lẻ
35	000180	1101021258	Đặng Trần Tuấn	Anh	20/01/2005	KD11C	04	309	4,9	01	Anh	chẵn
36	000181	1101020013	Hoàng Thị Lan	Anh	24/09/2005	KD11C	04	310	7,5	01	Anh	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 33.....

Tổng số tờ giấy thi: 33.....

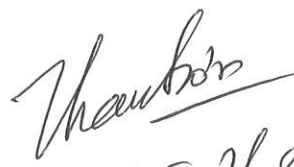
Tổng số biên bản: 0.....

Ngày ...05... tháng ...01... Năm ...2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2


Đặng Thị Mai


Trần Văn Sơn



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000182	1101020014	Nghiêm Thị Quỳnh Anh		15/06/2005	KD11C	04	242	2,3	01	Q. Anh	Điểm chuẩn
2	000183	1101020022	Nguyễn Thị Hải Anh		02/06/2005	KD11C	04	243	1,5	01	H. Anh	lẻ
3	000184	1101020026	Phạm Hoàng Hà Anh		08/07/2005	KD11C	04	244	4,5	01	Anh	chẵn
4	000185	1101020032	Trương Thị Mai Anh		11/09/2005	KD11C	04	245	2,8	01	Anh	lẻ
5	000186	1101020034	Vũ Thị Hồng Anh		10/09/2005	KD11C	04	246	8,0	01	Anh	chẵn
6	000187	1101020927	Nguyễn Thị Ngọc Ánh		10/04/2005	KD11C	04	247	6,7	01	Anh	lẻ
7	000188	1101020039	Nguyễn Thị Ngọc Ánh		21/05/2005	KD11C	04	248	7,0	01	Anh	chẵn
8	000189	1101020041	Phạm Ngọc Ánh		30/08/2005	KD11C	04	249	4,8	01	Anh	lẻ
9	000190	1101021413	Đặng Thị Linh Chi		04/01/2005	KD11C	04	250	8,5	01	Chi	chẵn
10	000191	1101020054	Nguyễn Thị Anh Đào		02/01/2005	KD11C	04	251	5,2	01	Đào	lẻ
11	000192	1101020066	Nguyễn Thanh Dung		31/12/2005	KD11C	04	252	7,2	01	Dung	chẵn
12	000193	1101020941	Trịnh Công Dương		23/11/2005	KD11C	04	253	2,7	01	Dương	lẻ
13	000194	1101020075	Đào Thị Hương Giang		21/07/2005	KD11C	04	254	8,3	01	Giang	chẵn
14	000195	1101020948	Lê Thị Thu Hà		01/07/2005	KD11C	04	255	4,3	01	Hà	lẻ
15	000196	1101020088	Trần Đình Hải		09/03/2005	KD11C	04	256	3,5	01	Hải	chẵn
16	000197	1101021452	Nguyễn Hồng Hạnh		05/11/2004	KD11C	04	257	5,7	01	Hạnh	lẻ
17	000198	1101020101	Nguyễn Thị Thanh Hòa		18/04/2005	KD11C	04	258	6,5	01	Hòa	chẵn
18	000199	1101021342	Nguyễn Thanh Hoài		19/08/2005	KD11C	04	259	5,2	01	Hoài	lẻ
19	000200	1101020112	Nguyễn Thị Thanh Hương		21/09/2005	KD11C	04	260	7,5	01	Hương	chẵn
20	000201	1101020126	Nguyễn Thị Ngọc Huyền		13/04/2005	KD11C	04	261	5,0	01	Huyền	lẻ
21	000202	1101020593	Đoàn Phương Linh		09/10/2005	KD11C	04	262	4,5	01	Linh	chẵn
22	000203	1101020146	Lê Nguyễn Thùy Linh		23/09/2005	KD11C	04	263	7,3	01	Linh	lẻ
23	000204	1101020162	Phạm Thùy Linh		07/03/2005	KD11C	04	264	5,2	01	Linh	chẵn
24	000205	1101020164	Trần Phương Linh		07/04/2005	KD11C	04	265	7,2	01	Linh	lẻ
25	000206	1101020165	Vũ Hà Linh		30/07/2005	KD11C	04	266	7,3	01	Linh	chẵn
26	000207	1101020173	Trương Thị Luyến		20/10/2005	KD11C	04	267	3,8	01	Luyến	lẻ
27	000208	1101020199	Lê Hồng Ngân		11/07/2005	KD11C	04	268	6,3	01	Ngân	chẵn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000209	1101020203	Bùi Thị	Ngọc	15/09/2005	KD11C	04	269	4,0	01	Ngọc	lẻ
29	000210	1101020208	Phạm Ánh	Ngọc	25/11/2005	KD11C	04	270	6,0	01	Ngọc	thẵn
30	000211	1001021034	Dương Hoàng	Nhi	14/12/2003	KD11C	04	271	2,6	01	Nhi	lẻ
31	000212	1101020216	Kiều Yến	Nhi	24/10/2005	KD11C	04	272	8,3	01	Nhi	chẵn
32	000213	1101021016	Nguyễn Hồng	Nhung	29/05/2005	KD11C	04	273	5,7	01	Nhung	lẻ
33	000214	1101021022	Chu Lan	Phuong	05/07/2005	KD11C	04	274	7,7	01	Phung	chẵn
34	000215	1101021024	Trịnh Thu	Phuong	08/11/2005	KD11C	04	275	7,0	01	Phuong	lẻ
35	000216	1101020252	Nguyễn Thị	Quỳnh	29/04/2005	KD11C	04	276	6,7	01	Quỳnh	chẵn
36	000217	1101020259	Bùi Thị Phương	Thanh	23/11/2005	KD11C	04	277	2,5	01	Thanh	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: ...36...

Tổng số tờ giấy thi: ...36...

Tổng số biên bản: ...0...

Ngày ...5... tháng ...1... Năm ...2026...

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

(Signature)

Thân Minh Huệ

(Signature)

Đặng Thị Phương



104-137

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000218	1101021034	Hoàng Thị Thu	Thảo	04/11/2005	KD11C	04	104	8,5	01	Thảo	Đề chẵn
2	000219	1101020706	Cầm Văn	Thủ	25/01/2005	KD11C	04	105	6,8	01	Thủ	lẻ
3	000220	1101020279	Lều Hồng	Thức	05/10/2005	KD11C	04	106	3,2	01	Thức	chẵn
4	000221	1101020286	Trần Phương	Thùy	20/01/2005	KD11C	04	107	7,2	01	Thùy	lẻ
5	000222	1101020902	Đinh Thị Yến	Trang	29/01/2005	KD11C	04	108	7,0	01	Trang	chẵn
6	000223	1101020301	Nguyễn Quỳnh	Trang	08/10/2005	KD11C	04	109	6,8	01	Trang	lẻ
7	000224	1101020310	Trần Thị Huyền	Trang	30/08/2005	KD11C	04	110	7,2	01	Trang	lẻ
8	000225	1001020326	Đỗ Quang	Tùng	13/09/2004	KD11C	04	111	3,2	01	Tùng	lẻ
9	000226	1101021067	Phạm Đức	Việt	22/08/2005	KD11C	04	112	7,0	01	Việt	chẵn
10	000227	1101020326	Nguyễn Hà	Vy	18/04/2005	KD11C	04	113	7,8	01	Vy	Đề lẻ
✓ 11	000228	0901020345	Trần Quốc	Huy	19/04/2001	KD9C	04	—	—	—	—	HP,ĐK
12	000229	1101020005	Đào Ngọc	Anh	22/07/2005	KD11D	05	114	7,7	01	Anh	lẻ
13	000230	1101020012	Đồng Mai	Anh	01/05/2003	KD11D	05	115	6,3	01	Anh	chẵn
14	000231	1101020015	Ngô Hoàng	Anh	16/10/2005	KD11D	05	116	7,5	01	Anh	lẻ
15	000232	1101020024	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	30/01/2005	KD11D	05	117	7,9	01	Anh	chẵn
16	000233	1101020030	Trần Diệu	Anh	15/01/2005	KD11D	05	118	6,7	01	Anh	lẻ
17	000234	1101020035	Vũ Thị Phương	Anh	16/07/2005	KD11D	05	119	6,4	01	Anh	chẵn
18	000235	1101021328	Trần Quốc Việt	Bách	01/09/2002	KD11D	05	120	1,8	01	Bách	lẻ
19	000236	1101020511	Lộc Thành	Đạt	13/09/2005	KD11D	05	121	8,2	01	Đạt	chẵn
20	000237	1101020067	Đào Thị Thùy	Dương	22/12/2005	KD11D	05	122	9,7	01	Dương	Đề lẻ
✓ 21	000238	1101021346	Đặng Ngọc	Duy	11/11/2004	KD11D	05	—	—	—	—	HP,ĐK
22	000239	1101020076	Phạm Thị Hương	Giang	10/02/2005	KD11D	05	123	9,2	01	Giang	lẻ
23	000240	1101021339	Lê Thị Thu	Hà	21/11/2005	KD11D	05	124	8,9	01	Hà	chẵn
24	000241	1101020809	Nguyễn Thu	Hà	14/01/2005	KD11D	05	125	9,0	01	Hà	lẻ
25	000242	1101020089	Trần Minh	Hải	12/10/2005	KD11D	05	126	8,2	01	Hải	Đề chẵn
26	000243	1101020093	Phạm Thu	Hằng	23/09/2005	KD11D	05	127	9,2	01	Hằng	lẻ
27	000244	1101021182	Nguyễn Như	Hanh	17/11/2005	KD11D	05	128	5,5	01	Hanh	chẵn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000245	1101020096	Đinh Thúy	Hiền	21/05/2005	KD11D	05	129	8,5	1	Hiền	Lẻ
29	000246	1101020959	Bùi Công	Hiếu	08/04/2005	KD11D	05	120	10	1	Hiếu	Chẵn
30	000247	1101021443	Phạm Đức	Hiếu	02/08/2000	KD11D	05	121	9,7	1	Hiếu	Lẻ
31	000248	1101020962	Nguyễn Quỳnh	Hoa	19/04/2005	KD11D	05	132	8,5	1	Hoa	Chẵn
32	000249	1101020108	Đinh Thúy	Hồng	05/11/2005	KD11D	05	133	9,3	1	Hồng	Lẻ
33	000250	1101021329	Phạm Thu	Hường	18/08/2000	KD11D	05	114	8,8	1	Huy	Chẵn
34	000251	1101020117	Đỗ Thị Khánh	Huyền	23/09/2005	KD11D	05	135	9,3	1	Huyền	Lẻ
35	000252	1101020121	Nguyễn Ngọc	Huyền	30/04/2005	KD11D	05	136	6,9	1	Huyền	Chẵn
36	000253	1101021330	Nguyễn Thu	Huyền	01/10/2005	KD11D	05	137	9,5	1	Huyền	Lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 34.....

Tổng số tờ giấy thi: 34.....

Tổng số biên bản: 2.....

Ngày 05... tháng 01... Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Đỗ Thị Loan Nguyễn Thị Ngọc Thanh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000254	1101020135	Nguyễn Ngọc	Lan	10/09/2005	KD11D	05	1	4,3	01	Lan	chẵn
2	000255	1101020141	Đặng Mạnh	Linh	11/07/2005	KD11D	05	2	4,7	01	Linh	Le'
3	000256	1101020145	Hoàng Thị Thùy	Linh	11/12/2005	KD11D	05	3	8,5	01	linh	chẵn
4	000257	1101020155	Nguyễn Thị Diệu	Linh	21/08/2005	KD11D	05	4	5,7	01	Diệu	Le'
5	000258	1101020167	Vũ Quang	Linh	29/07/2005	KD11D	05	5	4,9	01	Linh	chẵn
6	000259	1101020178	Trần Thị Vân	Ly	10/10/2005	KD11D	05	6	8,2	01	Ly	Le'
7	000260	1101020181	Đặng Ngọc	Mai	11/07/2005	KD11D	05	7	3,2	01	Mai	Chẵn
8	000261	1101020189	Trần Vũ Hồng	Minh	04/12/2005	KD11D	05	8	6,8	01	Minh	Le'
9	000262	1101020190	Vũ Thị Nguyệt	Minh	11/10/2005	KD11D	05	9	4,9	01	Minh	Chẵn
10	000263	1101021437	Đỗ Thị Thục	Mỹ	15/04/2005	KD11D	05	10	3,8	01	Mỹ	Le'.
11	000264	1101020196	Lê Thị	Nga	23/09/2005	KD11D	05	11	4,2	01	Nga	Chẵn
12	000265	1101021011	Hoàng Thị Huyền	Ngọc	24/07/2005	KD11D	05	12	5,3	01	Ngọc	Le'
13	000266	1101020209	Nguyễn Đình	Nguyên	08/09/2005	KD11D	05	13	8,8	01	Nguyễn	Chẵn
14	000267	1101020217	Nguyễn Ngọc	Nhi	15/05/2005	KD11D	05	14	5,3	01	Nhi	Le'
15	000268	1101020224	Nguyễn Thị	Như Ý	14/07/2005	KD11D	05	15	6,5	01	Ý	Chẵn
16	000269	1101021017	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	06/04/2005	KD11D	05	16	4,8	01	Nhung	Le'
17	000270	1101020235	Lê Thị Thu	Phương	14/03/2005	KD11D	05	17	2,8	01	Phường	Chẵn
18	000271	1101020247	Đào Diễm	Quỳnh	26/12/2005	KD11D	05	18	5,2	01	Quỳnh	Le'.
19	000272	1101020253	Trần Thị Diệu	Quỳnh	28/07/2005	KD11D	05	19	3,5	01	Quỳnh	Chẵn.
20	000273	1101021032	Đào Thị	Thanh	22/08/2005	KD11D	05	20	9,5	01	Thanh	Le'.
21	000274	1101020263	Lê Thị	Thảo	17/10/2005	KD11D	05	21	7,9	01	Thảo	chẵn
22	000275	1101021038	Nguyễn Thu	Thảo	29/05/2005	KD11D	05	22	7,3	01	Thảo	Le'
23	000276	1101021393	Nguyễn Thị Anh	Thư	02/12/2005	KD11D	05	23	3,8	01	Thư	Chẵn
24	000277	1101020281	Nguyễn Hoài	Thương	28/07/2005	KD11D	05	24	9,7	01	Thương	Le'
25	000278	1101020287	Đặng Thanh	Thủy	04/08/2005	KD11D	05	25	3,3	01	Thủy	chẵn
26	000279	1101020296	Lê Hà	Trang	24/11/2005	KD11D	05	26	9,2	01	Trang	Le'
27	000280	1101020302	Nguyễn Quỳnh	Trang	31/07/2005	KD11D	05					HP,ĐK

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000281	1101020311	Vũ Quang	Triển	08/10/2005	KD11D	05	27	2,5	01	Triển	le
29	000282	1101021065	Phùng Phương	Uyên	01/01/2005	KD11D	05	28	1,5	01	Uyên	Chấn
30	000283	1101020324	Nguyễn Thị Hồng	Vinh	22/11/2005	KD11D	05	29	2,0	01	Vinh	le
31	000284	1101021410	Đặng Thị	Yến	06/02/2003	KD11D	05	30	3,3	01	Yến	chấn
32	000285	1101020333	Nguyễn Hải	Yến	29/06/2005	KD11D	05	31	4,3	01	Yến	le
33	000286	1101020004	Đặng Thị Ngọc	Anh	23/08/2005	KD11E	06	32	7,2	01	Anh	chấn
34	000287	1101020008	Đỗ Thị Mai	Anh	08/10/2005	KD11E	06	33	5,8	01	Anh	le
35	000288	1101020016	Nguyễn Diệp	Anh	17/09/2005	KD11E	06	34	4,1	01	Anh	chấn
36	000289	1101020019	Nguyễn Phương	Anh	06/11/2005	KD11E	06	35	4,8	01	Anh	le

Tổng số sinh viên dự thi: 35

Tổng số tờ giấy thi: 35

Tổng số biên bản: 0

Ngày 05 tháng 01 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm Văn Toàn

Đỗ Thị Huyền Thanh



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000290	1101020025	Nguyễn Văn	Anh	01/12/2005	KD11E	06	382	4,2	01	Anh	chẵn
2	000291	1101020921	Trần Hoài	Anh	17/12/2005	KD11E	06	383	3,0	01	Anh	lẻ
3	000292	1101020925	Lê Minh	Ánh	07/05/2005	KD11E	06	384	8,7	01	Ánh	chẵn
4	000293	1101020040	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/10/2005	KD11E	06	385	8,0	01	Ánh	lẻ
5	000294	1101020043	Nguyễn Thanh	Bình	02/12/2005	KD11E	06	386	5,0	01	Bình	chẵn
6	000295	1101020053	Phùng Ngọc	Chúc	05/07/2005	KD11E	06	387	6,3	01	Chúc	lẻ
7	000296	1001021433	Đinh Thành	Đạt	17/03/2004	KD11E	06	388	3,7	01	Đạt	HP chẵn Đạt
8	000297	1101020059	Vương Thị	Diễn	19/08/2005	KD11E	06	389	7,2	01	Diễn	lẻ
9	000298	1101020061	Nguyễn Thị	Diệp	17/03/2005	KD11E	06	390	6,0	01	Diệp	chẵn
10	000299	1101021076	Lê Thùy	Đương	16/10/2005	KD11E	06					ĐK
11	000300	1101020072	Phạm Hải	Duy	22/11/2005	KD11E	06	391	5,7	01	Đạt	chẵn
12	000301	1101020074	Đặng Trà	Giang	15/03/2005	KD11E	06	392	7,2	01	Trà	lẻ
13	000302	1101020084	Phạm Thị Hồng	Hà	01/03/2005	KD11E	06	393	5,7	01	Hà	chẵn
14	000303	1101020090	Lê Nguyễn Minh	Hằng	01/10/2005	KD11E	06	394	5,3	01	Hằng	lẻ
15	000304	1101020957	Nguyễn Thị	Hào	16/07/2005	KD11E	06	395	9,2	01	Hào	chẵn
16	000305	1101020103	Đặng Thị	Hoàn	26/10/2004	KD11E	06	396	8,7	01	Hoàn	lẻ
17	000306	1101020970	Nguyễn Thị	Hương	25/10/2005	KD11E	06	397	2,7	01	Hương	chẵn
18	000307	1101020114	Phạm Thúy	Hường	02/10/2005	KD11E	06	398	8,3	01	Hường	lẻ
19	000308	1101020122	Nguyễn Ngọc	Huyền	22/04/2005	KD11E	06	399	6,0	01	Huyền	chẵn
20	000309	1101020129	Phạm Quốc	Khánh	02/09/2005	KD11E	06	400	5,3	01	Khánh	lẻ
21	000310	1101020976	Vũ Ngọc	Khánh	13/10/2005	KD11E	06	401	7,3	01	Khánh	chẵn
22	000311	1101020138	Vũ Thị	Lan	28/02/2005	KD11E	06	402	5,7	01	Lan	lẻ
23	000312	1101020979	Cà Nhật Minh Ái	Lệ	01/08/2005	KD11E	06	403	8,2	01	Lệ	chẵn
24	000313	1101020148	Lương Hải Khánh	Linh	02/09/2005	KD11E	06	404	7,0	01	Linh	lẻ
25	000314	1101020156	Nguyễn Thị Hải	Linh	28/08/2005	KD11E	06	405	6,3	01	Linh	chẵn
26	000315	1101020989	Vũ Thị Diệu	Linh	19/05/2005	KD11E	06					ĐK
27	000316	1101020169	Đinh Thị Ngọc	Loan	03/08/2005	KD11E	06	406	5,0	01	Loan	chẵn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000317	1101020175	Nguyễn Cẩm	Ly	01/07/2005	KD11E	06	407	7,5	01	Ly	lẻ
29	000318	1101030618	Vương Thị Diệu	Ly	11/12/2005	KD11E	06	408	6,7	01	Ly	Chẵn
30	000319	1101020182	Đỗ Ngọc	Mai	17/08/2005	KD11E	06	409	8,8	01	Mai	lẻ
31	000320	1101020995	Khổng Xuân	Mơ	10/05/2005	KD11E	06	410	6,3	01	Mơ	chẵn
32	000321	1101021291	Nguyễn Thị	Nga	05/02/2004	KD11E	06	411	8,0	01	Nga	lẻ
33	000322	1101021132	Nguyễn Thị Thúy	Nga	14/01/2005	KD11E	06	412	7,0	01	Nga	chẵn
34	000323	1101020205	Đỗ Lê Hoàng	Ngọc	19/02/2005	KD11E	06	413	8,7	01	Ngọc	lẻ
35	000324	1101021013	Lương Bảo	Ngọc	07/06/2005	KD11E	06					ĐK
36	000325	1101020210	Nguyễn Thị	Nguyên	09/02/2005	KD11E	06	414	8,2	01	Nguyễn	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 33....

Tổng số tờ giấy thi: 33

Tổng số biên bản: 0

Ngày 05 tháng 01 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2


Đỗ Thị Nhài


Đỗ Mạnh Tuấn



36-69

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000326	1101020218	Nguyễn Thị Yến	Nhi	26/10/2005	KD11E	06	36	4,5	1	Nhi	chấm
2	000327	1101021364	Phạm Hồng	Nhung	03/08/2005	KD11E	06	37	7,7	1	Nhung	lẻ
3	000328	1101020249	Đỗ Thị Như	Quỳnh	22/04/2005	KD11E	06	38	6,3	1	Quỳnh	chấm
4	000329	1101020254	Vũ Thị	Quỳnh	17/02/2005	KD11E	06	39	5,5	1	Quỳnh	lẻ
5	000330	1101020260	Trương Kiều	Thanh	26/03/2005	KD11E	06	40	7,4	1	Thanh	chấm
6	000331	1101020264	Nguyễn Phương	Thảo	11/10/2005	KD11E	06	41	6,3	1	Thảo	lẻ
7	000332	1101020268	Nguyễn Vi	Thảo	10/01/2005	KD11E	06	42	3,7	1	Vi	chấm
8	000333	1101020275	Lương Anh	Thư	01/07/2005	KD11E	06	43	7,5	1	Thư	lẻ
9	000334	1101020282	Nông Hạ	Thương	06/11/2005	KD11E	06	44	5,6	1	Hạ	chấm
10	000335	1101021046	Nguyễn Thủy	Tiên	11/11/2005	KD11E	06	45	8,7	1	Tiên	lẻ
11	000336	1101021054	Nguyễn Thị	Trang	15/08/2005	KD11E	06	46	6,0	1	Trang	chấm
12	000337	1101020308	Nguyễn Thùy	Trang	14/08/2005	KD11E	06	47	6,8	1	Trang	lẻ
13	000338	1101021335	Lê Minh	Tú	22/10/2004	KD11E	06	48	8,7	1	Tú	chấm
14	000339	1101020316	Phạm Minh	Tuấn	08/09/2005	KD11E	06	49	6,7	1	Tuấn	lẻ
15	000340	1101020320	Đỗ Hồng	Vân	08/05/2005	KD11E	06	50	3,2	1	Vân	chấm
16	000341	1101020325	Đỗ Quốc	Vương	24/09/2005	KD11E	06	51	6,7	1	Vương	lẻ
17	000342	1101021428	Triệu Thị Hà	Vy	24/10/2005	KD11E	06					Vy
18	000343	1101020011	Đỗ Văn	Anh	06/10/2005	KD11G	07	52	1,8	1	Anh	lẻ
19	000344	1101020017	Nguyễn Kim Hoàng	Anh	18/08/2005	KD11G	07	53	7,8	1	Anh	chấm
20	000345	1101021352	Nguyễn Việt	Anh	26/04/2004	KD11G	07					HP,ĐK
21	000346	1101020028	Phạm Phương	Anh	01/08/2005	KD11G	07	54	5,5	1	Anh	chấm
22	000347	1101020487	Phùng Thùy	Anh	15/02/2005	KD11G	07	55	5,0	1	Thùy	lẻ
23	000348	1101020777	Trần Thị Phương	Anh	28/07/2005	KD11G	07	56	8,2	1	Phương	chấm
24	000349	1101020045	Phạm Thanh	Bình	11/11/2005	KD11G	07	57	5,8	1	Bình	lẻ
25	000350	1101020932	Đinh Thị	Châm	25/11/2005	KD11G	07	58	6,0	1	Châm	chấm
26	000351	1101020056	Đoàn Khắc	Đạt	27/06/2005	KD11G	07	59	3,2	1	Đạt	lẻ
27	000352	1101020062	Đỗ Thị Hồng	Doan	08/12/2005	KD11G	07	60	9,0	1	Doan	chấm

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000353	1101020063	Lại Quảng	Đông	04/08/2005	KD11G	07	61	5,7	1	Đông	lẻ
29	000354	1101020068	Nguyễn Tài	Dương	14/11/2005	KD11G	07	62	7,5	1	Dương	Chẵn
30	000355	1101020943	Đỗ Thị Hồng	Duyên	22/02/2005	KD11G	07	63	7,0	1	Duyên	lẻ
31	000356	1101020078	Phạm Thị Trà	Giang	08/04/2005	KD11G	07	64	7,0	1	Giang	Chẵn
32	000357	1101020083	Nguyễn Thị Thu	Hà	21/06/2005	KD11G	07	65	5,0	1	Hà	lẻ
33	000358	1101020085	Phùng Hải	Hà	22/06/2005	KD11G	07	66	7,8	1	Hà	Chẵn
34	000359	1101020091	Lê Thị	Hằng	13/05/2005	KD11G	07	67	5,7	1	Hằng	lẻ
35	000360	1101021334	Đinh Thu	Hiền	30/07/2005	KD11G	07	68	5,8	1	Hiền	Chẵn
36	000361	0901020198	Nguyễn Minh	Hiếu	08/11/2003	KD11G	07	69	2,3	1	Hiếu	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: ...34...

Tổng số tờ giấy thi: ...34...

Tổng số biên bản:0.....

Ngày ...5... tháng 1... Năm ...2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Văn Chương Hoàng Thái
Trình Thị Hồng Thái



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000362	1101020109	Tô Ánh	Hồng	09/09/2005	KD11G	07	206	6,4	01	Hồng	Chấn
2	000363	1101020568	Trần Quang	Huy	13/04/2005	KD11G	07	207	3,7	01	Huy	Lê
3	000364	1101020123	Nguyễn Ngọc	Huyền	30/07/2005	KD11G	07	208	3,7	01	Huyền	Chấn
4	000365	1101020130	Phạm Thị	Khánh	01/11/2005	KD11G	07	209	5,7	01	Khánh	Lê
5	000366	1101020977	Trần Trung	Kiên	22/02/2005	KD11G	07	210	6,3	01	Trần	Chấn
6	000367	1101021205	Phạm Thị Ngọc	Lan	04/05/2005	KD11G	07	211	3,0	01	Lan	Lê
7	000368	1101020139	Hoàng Thị	Lệ	21/01/2005	KD11G	07	212	6,6	01	Lệ	Chấn
8	000369	1101020150	Lưu Thùy	Linh	02/01/2005	KD11G	07	213	7,7	01	Linh	Lê
9	000370	1101020166	Vũ Nguyễn Thùy	Linh	12/08/2005	KD11G	07	214	4,3	01	Linh	Chấn
10	000371	1101020168	Vũ Thị Khánh	Linh	10/12/2005	KD11G	07	215	4,3	01	Linh	Lê
11	000372	1101021345	Đỗ Thị Thanh	Loan	03/12/2005	KD11G	07	216	2,7	01	Loan	Chấn
12	000373	1101020172	Phạm Thị	Loan	05/02/2005	KD11G	07	217	3,7	01	Loan	Lê
13	000374	1101020197	Phạm Thị	Nga	01/02/2003	KD11G	07	218	6,0	01	Nga	Chấn
14	000375	1101021333	Nguyễn Hoàn	Ngọc	07/08/2005	KD11G	07	219	7,7	01	Ngọc	Lê
15	000376	1101020207	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	08/11/2005	KD11G	07	220	4,6	01	Ngọc	Chấn
16	000377	1101020212	Bùi Thị	Nguyệt	06/07/2005	KD11G	07	221	3,2	01	Nguyệt	Lê
17	000378	1101020221	Phạm Yến	Nhi	09/08/2005	KD11G	07	222	4,0	01	Nhi	Chấn
18	000379	1101020658	Lương Tâm	Như	12/09/2004	KD11G	07	223	3,2	01	Như	Lê
19	000380	1101021019	Trần Hồng	Nhung	30/11/2005	KD11G	07	224	5,3	01	Nhung	Chấn
20	000381	1101020229	Nguyễn Thị	Oanh	16/10/2005	KD11G	07	225	3,2	01	Oanh	Lê
21	000382	1101020236	Lý Thu	Phuong	28/07/2005	KD11G	07	226	6,0	01	Thu	Chấn
22	000383	1101021025	Vương Thị	Phuong	30/06/2005	KD11G	07	227	6,7	01	Phuong	Lê
23	000384	1101021029	Vũ Thị Như	Quỳnh	18/08/2005	KD11G	07	228	4,7	01	Quỳnh	Chấn
24	000385	1101020258	Bùi Phương	Thanh	26/06/2005	KD11G	07	229	2,5	01	Thanh	Lê
25	000386	1101020894	Nguyễn Minh	Thành	14/02/2005	KD11G	07	230	4,0	01	Thành	Chấn
26	000387	1101020265	Nguyễn Phương	Thảo	27/07/2005	KD11G	07	231	3,5	01	Thảo	Lê
27	000388	1101020276	Nguyễn Thị Anh	Thư	25/11/2005	KD11G	07	232	2,5	01	Thư	Chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000389	1101020364	Lê Tô	Trang	12/09/2005	KD11G	07	233	7,5	01	Trang	lẻ
29	000390	1101020297	Lục Hà	Trang	11/03/2005	KD11G	07	234	3,1	01	Trang	chẵn
30	000391	1101020304	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/02/2005	KD11G	07	235	2,8	01	Trang	lẻ
31	000392	1101021057	Nguyễn Thùy	Trang	28/10/2005	KD11G	07	236	5,5	01	Trang	chẵn
32	000393	1101021062	Lê Minh	Tuân	09/04/2005	KD11G	07	237	8,3	01	Tuân	lẻ
33	000394	1101020313	Đinh Lê Anh	Tuấn	17/09/2005	KD11G	07	238	2,5	01	Tuấn	chẵn
34	000395	1101020321	Hoàng Thị Thanh	Vân	15/10/2005	KD11G	07	239	5,3	01	Vân	lẻ
35	000396	1101020328	Phạm Thanh	Xuân	22/09/2005	KD11G	07	240	3,5	01	Xuân	chẵn
36	000397	1101020330	Đỗ Ngọc	Yên	01/10/2005	KD11G	07	241	3,5	01	Yên	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi:.....36

Tổng số tờ giấy thi:.....36

Tổng số biên bản:.....0

Ngày 5... tháng 1... Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Thư
Nguyễn Thị Thư

Ngô Thị An
Ngô Thị An



70-103

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Kế toán tài chính doanh nghiệp HP2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000398	1101020332	Đỗ Hải	Yến	23/08/2005	KD11G	07	70	3,7	01	Yến	Chấn
2	000399	1101060914	Hoàng Thị Minh	Anh	04/04/2005	KA11A	08	71	6,8	01	Anh	Lê
3	000400	1101060336	Nguyễn Thị Phương	Anh	13/10/2005	KA11A	08	72	6,0	1	Anh	chấn
4	000401	1101060337	Hoàng Minh	Châu	27/10/2005	KA11A	08	73	5,5	1	Châu	Lê
5	000402	1101060048	Phạm Phương	Chi	09/11/2005	KA11A	08	74	4,7	1	Chi	chấn
6	000403	1101060338	Phạm Ngọc	Đại	09/03/2005	KA11A	08	75	6,5	1	Đại	Lê
7	000404	1101060339	Nguyễn Thị Hồng	Đào	20/11/2005	KA11A	08	76	4,8	01	Hồng	chấn
8	000405	1101061075	Phùng Xuân Tấn	Dũng	15/02/2005	KA11A	08	77	1,5	01	Dũng	Lê
9	000406	1101061077	Trần Khánh	Duy	10/07/2005	KA11A	08	78	5,7	1	Duy	chấn
10	000407	1101060345	Vũ Thị Thu	Hiền	06/06/2005	KA11A	08	79	6,7	1	Hiền	Lê
11	000408	1101060347	Nguyễn Hữu	Hoàng	21/06/2005	KA11A	08	80	5,0	1	Hoàng	chấn
12	000409	1001060362	Trịnh Thiên	Hương	01/09/2004	KA11A	08	81	5,7	1	Hương	Lê
13	000410	1101060350	Đỗ Thị	Lan	06/09/2005	KA11A	08	82	9,3	1	Lan	chấn
14	000411	1101060351	Quyên Hồng	Lụa	03/11/2005	KA11A	08	83	8,5	1	Lụa	Lê
15	000412	1101061079	Đỗ Tuấn	Mạnh	01/05/2005	KA11A	08	84	6,7	1	Mạnh	chấn
16	000413	1101061080	Ngô Bảo	Ngọc	04/11/2005	KA11A	08	85	4,5	01	Ngọc	Lê
17	000414	1101061081	Nguyễn Bùi Bảo	Ngọc	22/12/2005	KA11A	08	86	5,5	01	Ngọc	chấn
18	000415	1101060358	Chu Thanh	Thảo	24/01/2005	KA11A	08	87	4,5	01	Thảo	Lê
19	000416	1101060359	Nguyễn Thị	Thảo	13/08/2005	KA11A	08	88	8,3	01	Thảo	chấn
20	000417	1101060361	Bùi Thị Phương	Thùy	15/10/2005	KA11A	08	89	5,2	1	Thùy	Lê
21	000418	1101061043	Hoàng Thị Phương	Thùy	08/05/2005	KA11A	08	90	5,2	1	Thùy	chấn
22	000419	1101060363	Lê Thu	Trang	14/11/2005	KA11A	08	91	9,0	1	Trang	Lê
23	000420	1101061350	Tạ Thị Minh	Trang	12/08/2005	KA11A	08	92	5,8	1	Trang	chấn
24	000421	1101060907	Lê Quang	Tú	09/04/2005	KA11A	08	93	5,5	1	Tú	Lê
25	000422	1101060367	Lê Nguyễn Anh	Tuấn	12/02/2005	KA11A	08	94	3,7	1	Tuấn	chấn
26	000423	1001020324	Lò Hà	Trung	27/12/2004	KD10C	08	95	4,3	1	Trung	Lê
27	000424	1001020972	Trương Thị Hồng	Hoa	01/11/2004	KD10E	08	96	8,0	1	Hoa	chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
28	000425	1001021063	Trịnh Thu	Thảo	12/11/2002	KD10E	08	97	4,5	1	Thảo	Le'
29	000426	1001020335	Đinh Quang	Vinh	11/02/2004	KD10E	08					Vắng
30	000427	1001020037	Nguyễn Hoàng	Anh	03/01/2004	KD10G	08	98	2,2	1	Anh	li'
31	000428	1001020208	Trần Thành	Nam	14/01/2004	KD10H	08	99	3,8	1	Nam	chấn
32	000429	0901020017	Nguyễn Thị Thu	Thảo	19/07/2003	KD10H	08	100	4,5 = Không	1	Thảo	le'
33	000430	1001020337	Nguyễn Trường	Vũ	24/05/2004	KD10H	08	101	2,8	1	Vũ	chấn
34	000431	1001030539	Nguyễn Việt	Hà	02/04/2004	QT10B	08	102	8,0	1	Hà	le'
35	000432	1001010821	Nguyễn Khoa	Lý	12/08/2004	TC10A	08	103	5,3	1	Lý	chấn

Tổng số sinh viên dự thi:.....34

Tổng số tờ giấy thi:.....39

Tổng số biên bản:.....21

Ngày 5 tháng 1... Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Phan Thuý Nga Đàm Thị Thanh Thuý